

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAN LỘC
TỈNH HÀ TĨNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-12-2022
*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản,*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thơ, ông Mai Khắc Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bính – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Can Lộc tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thụ lý thay đổi, bổ sung số 57a/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/9/2022 về “Tranh chấp chia tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q; Sinh năm: 1993; Địa chỉ: Xóm Đ, xã V, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Thái Văn C; Sinh năm: 1985; Địa chỉ: Xóm T, xã V, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ngân hàng C1; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Công T; Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1; Địa chỉ: K Thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

+ Bà Trần Thị H; Sinh năm: 1964; Địa chỉ: Xóm Đ, xã V, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

+ Bà Đào Thị N; Sinh năm: 1951; Địa chỉ: Xóm T, xã V, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các ý kiến trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn **Nguyễn Thị Q** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Q** và anh **Thái Văn C** tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2018 tại **UBND xã V, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh**. Sau khi kết hôn một thời gian thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ tháng 8/2021. Hiện nay chị **Q** không còn chung sống, không còn tình cảm với anh **C** nên yêu cầu được ly hôn anh **C**.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là **Thái Khắc L**, sinh ngày 22/7/2019 và **Thái An P**, sinh ngày 15/10/2020 hiện đang do anh **C** nuôi dưỡng. Chị **Q** đề nghị Tòa án giao cháu **L** cho anh **C**, giao cháu **P** cho chị **Q** nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sức xây dựng được tầng hai, nhà ngang, công trình phụ, bể nước, cổng nhà tại nhà ở của anh **C** ở **xóm T, xã V**. Theo chị **Q**, vợ chồng bán vàng cưới, góp tiền mừng cưới và chị rút tiền tiết kiệm để về làm nhà. Ban đầu, chị **Q** đề nghị Tòa án buộc anh **C** hoàn trả cho chị 50.000.000 đồng tương ứng với phần công sức chị đã đóng góp vào việc xây dựng các công trình trên thửa đất số 44 sau khi vợ chồng kết hôn. Sau đó, chị **Q** thay đổi yêu cầu, đề nghị Tòa án buộc bà **Đào Thị N** trả cho chị 50.000.000 đồng là công sức chị đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình.

- Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng vay Ngân hàng **chính sách xã hội** số tiền 50.000.000 đồng nhưng không phải để sử dụng vào mục đích chung mà để cho anh **C** trả khoản vay riêng của anh **C** và vay của bà **Trần Thị H** (mẹ đẻ của chị **Q**) 20.000.000 đồng để làm nhà. Do đó, chị **Q** đề nghị anh **C** chịu trách nhiệm trả các khoản nợ này.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn **Thái Văn C** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **C** thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, anh có đánh vợ hai lần và vợ bỏ về ngoại, vợ chồng ly thân từ ngày 16/8/2021. Tuy nhiên, anh **C** vẫn còn tình cảm với chị **Q** và mong muốn được đoàn tụ

- Về con chung: Nếu phải ly hôn thì anh **C** có nguyện vọng nuôi cả hai con. Nếu chị **Q** có nguyện vọng nuôi và đủ khả năng nuôi con thì anh **C** nhường cho chị **Q** nuôi 01 con.

- Về tài sản trong thời kỳ hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng có xây dựng tầng hai của căn nhà, nhà ngang, công trình phụ, bể nước, cổng nhà nhưng nguồn tiền để xây dựng là do anh **C** vay mượn, gom góp chứ chị **Q** không có đóng góp gì. Chị **Q** chỉ đưa cho anh **C** 20.000.000 đồng tiền vay từ bà **H**.

- Về nợ chung: Anh **C** chấp nhận chịu trách nhiệm trả nợ cho bà **H** và **Ngân hàng C1**.

Trong giai đoạn xét xử, bà **Trần Thị H** trình bày:

Bà H cho vợ chồng mượn 20.000.000 đồng để làm nhà nên yêu cầu anh C trả cho bà đủ 20.000.000 đồng. Ngoài ra, bà H còn trình bày thêm con gái bà bị anh C đánh nên đã về sống với bà. Tuy nhiên, anh C vẫn sang nhà bà quấy rối và đánh con gái bà. Theo bà H thì con gái bà không thể về nhà chồng sống tiếp được.

Biên bản xác minh tại UBND xã V thể hiện: Anh Thái Văn C và chị Nguyễn Thị Q đăng ký kết hôn tại UBND xã V vào ngày 26/12/2018, có 02 con chung là Thái Khắc L và Thái An P.

Tại buổi xem xét, thẩm định ngày 03/8/2022, bà Đào Thị N trình bày: Thửa đất số 44 đang sử dụng là của bà N và bà đã làm sẵn tầng 1. Sau khi khi Q và C kết hôn có làm thêm nhà ngang, công trình phụ, bể nước, cổng nhà, tầng hai trong đó toàn bộ gỗ, ngói, gạch là do bà N mua từ trước. Công sức đóng góp của Q thì chỉ có 50.250.000 đồng tiền bán vàng cưới để làm tầng hai và tiền mừng đám cưới để làm nhà ngang.

Tại buổi định giá lần thứ nhất (ngày 03/10/2022), bà Đào Thị N cho rằng đất và nhà là của bà, chị Q không đưa tiền cho bà để làm nhà nên bà không đồng ý cho Hội đồng định giá làm việc, không đồng ý việc chị Q yêu cầu bà trả 50.000.000 đồng.

Ngày 02/11/2022, Hội đồng định giá tài sản đã tiến hành định giá tầng hai căn nhà, nhà ngang, bể nước, cổng nhà, tổng trị giá công bố là 339.106.581 đồng. Khi nghe công bố tổng giá trị tài sản định giá là 339.106.581 đồng thì các đương sự (bà N, anh C, chị Q) không ai có ý kiến gì.

Tại phiên tòa ngày 05/12/2022, anh C và bà N vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Bà Trần Thị H và chị Nguyễn Thị Q đều trình bày anh Thái Văn C đã trả nợ 20.000.000 đồng cho bà H. Do đó, chị Q rút yêu cầu giải quyết về nợ chung đối với bà H.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Q vẫn yêu cầu được ly hôn, được nuôi cháu Thái An P, đề nghị Tòa án giao trách nhiệm trả nợ Ngân hàng chính sách cho anh C và buộc bà N trả cho chị 50.000.000 đồng để chị tạo lập cuộc sống mới và nuôi con. Chị Q trình bày tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định và định giá tài sản.

Anh Thái Văn C mong muốn được đoàn tụ và đưa ra phương án sống riêng nếu chị Q đồng ý. Nếu phải ly hôn và chị Q có nguyện vọng nuôi 01 con chung thì anh C vẫn đồng ý. Về công sức đóng góp của chị Q vào việc làm nhà, anh C thừa nhận có việc bán vàng cưới (khoảng 52.000.000 đồng) và dùng tiền mừng cưới (khoảng 70.000.000 đồng) để làm tầng hai, nhà ngang, cổng nhà, bể nước. Ngoài ra, dù không nhiều nhưng thỉnh thoảng chị Q có phụ giúp trong quá trình làm nhà như đi chợ nấu ăn, phụ giúp trộn vữa, xách hồ... Anh C cho rằng không trực tiếp cầm tiền do chị Q đưa để làm nhà. Với khoản nợ của Ngân hàng chính sách thì anh C giữ nguyên ý kiến như buổi làm việc trước phiên hòa giải là anh C sẽ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách.

Đại diện **Ngân hàng C1** trình bày anh **Thái Văn C** và chị **Nguyễn Thị Q** hiện còn nợ Ngân hàng 50.000.000 đồng. Khoản nợ này do chị **Nguyễn Thị Q** đứng tên vay có sự ủy quyền của anh **Thái Văn C**, tiền lãi được trả đầy đủ, đúng hạn. Đại diện Ngân hàng đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận, công nhận việc anh **Thái Văn C** tự nguyện trả khoản nợ này cho Ngân hàng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp **luật tố** tụng dân sự: Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo tuân theo pháp luật tố tụng; Chị **Nguyễn Thị Q** thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Anh **Thái Văn C** và bà **Đào Thị N** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa lần thứ nhất; bà **Đào Thị N** tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa hôm nay là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị **Nguyễn Thị Q** ly hôn anh **Thái Văn C**; Giao cháu **Thái An P**, sinh ngày 15/10/2022 cho chị **Q** trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu **Thái Khắc L**, sinh ngày 22/7/2019 cho anh **C** nuôi dưỡng đến khi các con thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi về quyền nuôi con; Buộc bà **Đào Thị N** trả cho chị **Nguyễn Thị Q** 50.000.000 đồng tiền công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình; Đình chỉ yêu cầu trả nợ chung cho bà **Trần Thị H**; Ghi nhận, công nhận thỏa thuận giữa **Ngân hàng C1**, anh **Thái Văn C** và chị **Nguyễn Thị Q** về việc anh **Thái Văn C** chịu trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc 50.000.000 đồng và lãi phát sinh chưa trả; Buộc chị **Nguyễn Thị Q** chịu án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí thẩm định, định giá tài sản; Buộc bà **Đào Thị N** phải chịu án phí chia tài sản khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Chị **Nguyễn Thị Q** yêu cầu ly hôn với anh **Thái Văn C** có hộ khẩu thường trú tại **xóm T, xã V, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh**. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Can Lộc.

Về việc tham gia tố tụng: Bà **Đào Thị N** được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà **N** là đúng quy định theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân giữa chị **Nguyễn Thị Q** và anh **Thái Văn C**:

Lời khai của chị **Q** và anh **C** phù hợp với nhau, phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, cho thấy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, không còn chung sống với nhau từ tháng 8/2021 đến nay. Gia đình hai bên và Tòa án

đã nhiều lần tổ chức hòa giải, anh C có nguyện vọng đoàn tụ nhưng chị Q kiên quyết ly hôn, hai bên không thống nhất được phương án hàn gắn tình cảm. Hôn nhân của anh C và chị Q đã rơi vào tình trạng trầm trọng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Q, cho chị Q ly hôn anh C.

[2.2] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh C và chị Q đều là lao động tự do, đều đang sống cùng mẹ đẻ nên giao cho mỗi người nuôi một con trong đó giao cho chị Q nuôi con chưa đủ 36 tháng tuổi là phù hợp. Vì vậy, giao cháu Thái An P cho chị Q nuôi dưỡng và giao cháu Thái Khắc L cho anh C nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Các bên đều trình bày không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[2.3] Về phân chia tài sản, quyền lợi của chị Q trên thửa đất số 44, tờ bản đồ số 44 tại xóm T, xã V, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

Hiện tại thửa đất số 44, tờ bản đồ số 44 tại thôn T xã V, huyện C thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Đào Thị N theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 977608 do UBND huyện C cấp ngày 06/9/2016. Tầng một của ngôi nhà được bà N xây dựng trước khi chị Q và anh C kết hôn. Các công trình khác của ngôi nhà (tầng hai, nhà ngang, cổng nhà, bể nước...) được xây dựng sau khi anh C và chị Q kết hôn, có sự chung sức của bà N, anh C và chị Q. Lời khai của bà N, anh C đều thừa nhận có việc bán vàng cưới và dùng tiền mừng cưới của anh C – chị Q để làm nhà. Ngoài ra, chị Q thỉnh thoảng có phụ giúp việc nấu nước, trộn hồ... Như vậy, việc xây dựng tầng hai căn nhà, nhà ngang, cổng nhà, bể nước có sự đóng góp của chị Q nên cần phải chia cho chị Q một phần giá trị của khối tài sản này. Kết quả định giá của Hội đồng định giá cho thấy tổng giá trị các tài sản trên thửa đất số 44 hình thành sau thời điểm anh C và chị Q kết hôn, có sự đóng góp của chị Q là 339.106.581 đồng. Chị Q yêu cầu 50.000.000 đồng (tương đương khoảng 1/6 giá trị tài sản) là phù hợp, cần được chấp nhận. Vì các tài sản này gắn liền với thửa đất số 44 thuộc quyền sở hữu của bà Đào Thị N nên buộc bà N trả cho chị Q 50.000.000 đồng là phù hợp.

[2.4] Về nợ chung: Anh C tự nguyện trả cho bà Trần Thị H số tiền 20.000.000 đồng và đã tự thực hiện trước thời điểm mở phiên tòa, chị Q rút yêu cầu về khoản nợ này nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phân chia khoản nợ chung đối với số tiền của bà Trần Thị H.

Anh C tự nguyện chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội tại buổi làm việc với hòa giải viên trước khi Tòa án thụ lý; Đại diện Ngân hàng C1 và anh C thống nhất đề nghị Tòa án ghi nhận, công nhận thỏa thuận anh C chịu

trách nhiệm trả nợ trước thời điểm Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nên cần ghi nhận thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định, định giá.

Anh Thái Văn C tự nguyện chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, hai bên đạt được thỏa thuận trách nhiệm trả nợ trước thời điểm mở phiên họp công khai chứng cứ nên không buộc anh C phải chịu án phí đối với việc phân chia trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp. Bà Đào Thị N phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho chị Nguyễn Thị Q.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 158, Điều 164, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 1 Điều 61, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a, c khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Q, cho chị Nguyễn Thị Q ly hôn anh Thái Văn C.

2. Về nuôi con chung sau khi ly hôn: Giao cháu Thái An P, sinh ngày 15/10/2022 cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Thái Khắc L, sinh ngày 22/7/2019 cho anh Thái Văn C nuôi dưỡng từ sau khi ly hôn đến khi các con thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi về quyền nuôi con.

Anh Thái Văn C có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Thái An P được sống chung với chị Q và có quyền thăm nom cháu P mà không ai được cản trở.

Chị Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Thái Khắc L được sống chung với anh C và có quyền thăm nom cháu L mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử miễn xét. Nếu sau này có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về phân chia tài sản:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Q về việc yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, buộc bà Đào Thị N phải hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Q 50.000.000 đồng công sức đóng góp trong việc xây dựng tầng hai, nhà ngang, bể nước, cổng nhà trên thửa đất số 44, tờ bản đồ số 44 tại xóm T, xã V, huyện C thuộc sở hữu của bà Đào Thị N.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

5. Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu giải quyết trách nhiệm đối với khoản nợ 20.000.000 đồng của bà **Trần Thị H.**

Ghi nhận, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, anh **Thái Văn C** có trách nhiệm trả nợ gốc 50.000.000 đồng và lãi phát sinh chưa trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội đối với khoản vay theo **Giấy** đề nghị vay vốn ngày 21/3/2021.

6. Về án phí, chi phí tố tụng: Chị **Nguyễn Thị Q** chịu trách nhiệm nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ số tiền 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi **cục** Thi hành án dân sự huyện Can Lộc theo biên lai số 10829 ngày 13/6/2022. Chị **Nguyễn Thị Q** được nhận lại 1.700.000 đồng tại Chi **cục** Thi hành án dân sự huyện Can Lộc.

Bà **Đào Thị N** phải nộp 2.500.000 đồng án phí chia tài sản khi ly hôn.

Chị **Nguyễn Thị Q** chịu 1.500.000 đồng chi phí thẩm định, định giá đã nộp.

7. Về quyền kháng cáo bản án: Chị **Nguyễn Thị Q**, anh **Thái Văn C**, bà **Trần Thị H** và **Ngân hàng C1** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà **Đào Thị N** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Can Lộc;
- Chi cục THADS huyện Can Lộc;
- UBND xã Vượng Lộc;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thanh